

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ, đăng kiểm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải và các đơn vị Đăng kiểm trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

## CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 62/QĐ-BGTVT ngày 19/01/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Đăng kiểm; Quyết định số 23/QĐ-BGTVT ngày 10/01/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải; Quyết định số 1531/QĐ-BGTVT ngày 23/11/2023 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi tên cơ quan có thẩm quyền giải quyết trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 288/TTr-SGTVT ngày 05/02/2024.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính (TTHC) mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ, đăng kiểm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải và các đơn vị Đăng kiểm trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, chi tiết tại Danh mục kèm theo.

**Điều 2.** Giao Sở Giao thông vận tải và các Đơn vị Đăng kiểm căn cứ Danh mục TTHC được công bố tại Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm:

1. Cung cấp đúng, đầy đủ nội dung, quy trình giải quyết TTHC để niêm yết, công khai thực hiện tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các đơn vị Đăng kiểm trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Rà soát quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt để tham mưu quy trình mới, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đảm bảo theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Các TTHC hoặc các bộ phận tạo thành TTHC được công bố tại Quyết định này có hiệu lực từ ngày văn bản quy phạm pháp luật có quy định về TTHC hoặc bộ phận tạo thành TTHC có hiệu lực thi hành.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Thông tin và Truyền thông, Thủ trưởng các đơn vị Đăng kiểm và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP (B/c);
- TT HĐND tỉnh (B/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Viễn Thông Đắk Lắk, Bưu điện tỉnh;
- Các Phòng, TT: KGVX, CN, PVHCC;
- Lưu: VT, KSTTHC (Tg 3).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tuấn Hà**

Phụ lục 1

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, SỬA ĐỔI BỔ SUNG, BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI VÀ CÁC ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

**A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH**

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Tên văn bản QPPL quy định nội dung thủ tục hành chính	Mức độ cung ứng DVCTT	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
								Tiếp nhận	Trả kết quả
<b>I. LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ</b> (Thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải)									
	1.001075	Chấp thuận xây dựng biên quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ đối với hệ thống quốc lộ đang khai thác	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Thông tư số 06/2023/TT-BGTVT ngày 15/12/2023 Sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư liên quan đến quản lý, khai thác, sử dụng, bảo trì và bảo vệ đường bộ; Thông tư số 39/2021/TTBGTVT ngày 31/12/2021; Thông tư số 50/2015/TTBGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ.	Toàn trình	x	x

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Tên văn bản QPPL quy định nội dung thủ tục hành chính	Mức độ cung ứng DVCTT	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
								Tiếp nhận	Trả kết quả
<b>II. LĨNH VỰC ĐĂNG KIỂM</b> ( <i>Thuộc thẩm quyền giải quyết của các Đơn vị Đăng kiểm trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk</i> )									
	1.005018	Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo	03 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc nghiệm thu	Tại trụ sở các đơn vị Đăng kiểm 4701D 4702D 4703D 4704D 4705D 4706D	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: 40.000 đồng/01 Giấy chứng nhận;</li> <li>- Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với ô tô con dưới 10 chỗ: 90.000 đồng/01 Giấy chứng nhận;</li> <li>- Mức giá nghiệm thu Thay đổi mục đích sử dụng (công dụng) của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng: 910.000 đồng/xe; Mức giá nghiệm thu Thay đổi hệ thống, tổng thành xe cơ giới, xe máy chuyên dùng: 560.000 đồng/xe.</li> </ul>	<p>Thông tư số 43/2023/TT-BGTVT, ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT, ngày 31/12/2014, Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT ngày 30/7/2018, Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT, ngày 30/8/2022.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 36/2022/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 55/2022/TT-BTC, ngày 24/08/2016 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 238/2016/TT-BTC, ngày 11/11/2016.</li> </ul>	Dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến	X	X

**B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG** (Thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở giao thông vận tải)

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Tên VBQPPL quy định nội dung thủ tục hành chính	Mức độ cung ứng DVCTT	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
								Tiếp nhận	Trả kết quả
<b>I. LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ</b> (Được công bố tại số thứ tự 02 khoản 1 Mục II Phần A Danh mục kèm theo Quyết định số 2277/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh ngày 20/08/2021)									
	1.000028	Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bán xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Thông tư số 35/2023/TT-BGTVT ngày 13/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.	Toàn trình	x	x

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Tên VBQPPL quy định nội dung thủ tục hành chính	Mức độ cung ứng DVCTT	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
								Tiếp nhận	Trả kết quả
<b>II. LĨNH VỰC ĐĂNG KIỂM</b> (Được công bố tại số thứ tự 01 Mục I Phần A Danh mục kèm theo Quyết định số 2277/QĐ-UBND Chủ tịch UBND tỉnh ngày 20/08/2021)									
	1.001001	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo	05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá dịch vụ thẩm định thiết kế xe cơ giới: 300.000 đồng/chiếc.</li> <li>- Lệ phí cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo: 40.000 đồng/ 01 Giấy chứng nhận (riêng đối với xe ô tô con dưới 10 chỗ: 90.000 đồng/01 Giấy chứng nhận).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 43/2023/TT-BGTVT ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT ngày 30/7/2018 và Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT ngày 30/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Thông tư trong lĩnh vực Đăng kiểm;</li> <li>- Thông tư số 36/2022/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016;</li> <li>- Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>	Một phần	x	x

**C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ** (Đã được công bố tại số thứ tự 09, phụ lục II, Danh mục Quyết định số 597/QĐ-UBND ngày 10/03/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ
	2.001921	Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ, đường bộ cao tốc đang khai thác thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giao thông vận tải	Các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải: số 06/2023/TT-BGTVT ngày 15/12/2023; số 39/2021/TTBGTVT ngày 31/12/2021; số 13 /2020/TT-BGTVT ngày 29/6/2020; số 50/2015/TTBGTVT ngày 23/9/2015 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ